TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC TRỌNG** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Hiệp

2. Ông Nguyễn Huy Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thảo TrAg – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên toà:* Bà Trần Hải Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 424/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2023 về việc *"Ly hôn, trAh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày ngày 23 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Tiến N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số nhà X, thôn N, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt tại phiên toà.

2. Bị đơn: Bà Hà Thị A, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số nhà X, thôn N, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/7/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn ông Hoàng Tiến N trình bày:

Về quA hệ hôn nhân: Ông và bà Hà Thị A đăng ký kết hôn vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung sau khi kết hôn hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà A đi theo các hội nhóm thường xuyên bỏ nhà đi hầu đồng, không quA tâm đến gia đình, con cái. Ông và gia đình không đồng ý và có khuyên nhủ rất nhiều nhưng bà A không nghe dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra trAh cãi. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông yêu cầu được ly hôn với bà Hà Thị A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm Hoàng Thị Ngân H, sinh ngày 18/7/2013 và Hoàng Anh Đ, sinh ngày 20/01/2015. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi 02 con chung cho đến khi các con thành niên. Ông không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà Hà Thị A đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử là đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quA hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Hoàng Tiến N, cho ông Hoàng Tiến N được ly hôn với bà Hà Thị A.

Về con chung: Giao hai con chung Hoàng Thị Ngân H, sinh ngày 18/7/2013 và Hoàng Anh Đ, sinh ngày 20/01/2015 cho ông Hoàng Tiến N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con thành niên. Bà Hà Thị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không trAh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quA hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ việc ông Hoàng Tiến N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung đối với bà Hà Thị A. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định qunn hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn cư trú tại thôn N, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Hoàng Tiến N và bà Hà Thị A đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, số đăng ký 73, ngày 13/12/2012, hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông Hoàng Tiến N và bà Hà Thị A là hợp pháp. Theo ông Hoàng Tiến N trình bày cuộc sống hôn nhân xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bà A thường xuyên bỏ nhà đi hầu đồng, không có trách nhiệm với gia đình. Ông N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà A. Bà A dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để đến Tòa án làm việc, nhưng bà A vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản nào thể hiện ý kiến của bà về việc đồng ý ly hôn hay đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông N và bà A đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông Hoàng Tiến N, cho ông Hoàng Tiến N được ly hôn với bà Hà Thị A.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Hoàng Thị Ngân H, sinh ngày 18/7/2013 và Hoàng Anh Đ, sinh ngày 20/01/2015. Khi ly hôn ông N yêu cầu được nuôi 02 con chung cho đến khi thành niên. Bà A dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, cũng không có văn bản thể hiện

nguyện vọng về việc nuôi con. Mặt khác cháu Hoàng Thị Ngân H và cháu Hoàng Anh Đ có nguyện vọng được ở với bố. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao các con chung Hoàng Thị Ngân H và Hoàng Anh Đ cho ông Hoàng Tiến N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông N không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này bị đơn có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng thì bị đơn có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quA hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Hoàng Tiến N, cho ông Hoàng Tiến N được ly hôn với bà Hà Thị A.

2. Về con chung: Giao hai con chung Hoàng Thị Ngân H, sinh ngày 18/7/2013 và Hoàng Anh Đ, sinh ngày 20/01/2015 cho ông Hoàng Tiến N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung thành niên. Bà Hà Thị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc ông Hoàng Tiến N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông N đã nộp theo biên lai thu số 0004136 ngày 01/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Ông Hoàng Tiến N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận*:**
- TAD tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (số 73, quyển số 01 ngày 13/12/2012)
- Đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Thị Hằng